

Tuần 4

Chính tả

1. a) Chép vần của các tiếng in đậm trong câu sau vào mô hình cấu tạo vần :

Nhận rõ tính chất phi ***ngĩa*** của cuộc ***chiến*** tranh xâm lược, năm 1949, ông chạy sang hàng ngũ quân đội ta, lấy tên Việt là Phan Lăng.

Tiếng	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối
<i>ngĩa</i>
<i>chiến</i>

b) Nêu nhận xét : Các tiếng ấy có gì giống nhau và khác nhau về cấu tạo ?

Giống nhau

.....

Khác nhau

- Có hay không có âm cuối ?

.....

- Dấu thanh đặt ở chữ cái nào ?

.....

2. Nêu quy tắc ghi dấu thanh ở các tiếng trên :

.....

.....

.....

Luyện từ và câu

TỪ TRÁI NGHĨA

1. Gạch dưới từng cặp từ trái nghĩa trong mỗi thành ngữ, tục ngữ dưới đây :

a) Gạn đục khơi trong.

b) Gắn mực thì đen, gắn đèn thì sáng.

c) Anh em như thể chân tay

Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

2. Điền vào mỗi chỗ trống một từ trái nghĩa với từ in đậm để hoàn chỉnh các thành ngữ, tục ngữ sau :

a) **Hẹp** nhà bụng.

b) **Xấu** người nết.

c) **Trên** kính nhường.

3. Tìm những từ trái nghĩa với mỗi từ sau :

a) Hoà bình :

b) Thương yêu :

c) Đoàn kết :

d) Giữ gìn :

4. Đặt hai câu để phân biệt một cặp từ trái nghĩa vừa tìm được :

.....
.....
.....

Tập làm văn

LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

1. Từ những điều đã quan sát được về trường em, hãy lập dàn ý cho bài văn tả ngôi trường.

.....
.....
.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Chọn viết một đoạn theo dàn ý trên :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Luyện từ và câu

LUYỆN TẬP VỀ TỪ TRÁI NGHĨA

1. Gạch dưới những từ trái nghĩa nhau trong mỗi thành ngữ, tục ngữ sau :

- a) Ăn ít ngon nhiều.
- b) Ba chìm bảy nổi.
- c) Nắng chóng trưa, mưa chóng tối.
- d) Yêu trẻ, trẻ đến nhà ; kính già, già để tuổi cho.

2. Điền vào mỗi chỗ trống một từ trái nghĩa với từ in đậm :

- a) Trần Quốc Toản tuổi **nhỏ** mà chí
- b) **Trẻ** cùng đi đánh giặc.
- c) **trên** đoàn kết một lòng.
- d) Xa-da-cô đã **chết** nhưng hình ảnh của em còn mãi trong kí ức loài người như lời nhắc nhở về thảm họa của chiến tranh hủy diệt.

3. Điền vào mỗi chỗ trống một từ trái nghĩa thích hợp :

- a) Việc nghĩa lớn.
- b) Áo rách **khéo** vá, hơn lành may.
- c) Thúc dậy **sớm**.

4. Tìm những từ trái nghĩa nhau :

- | | |
|-------------------------------|-------|
| a) Tả hình dáng. | |
| M : <i>cao - thấp</i> | |
| b) Tả hành động. | |
| M : <i>khóc - cười</i> | |
| c) Tả trạng thái. | |
| M : <i>buồn - vui</i> | |
| d) Tả phẩm chất. | |
| M : <i>tốt - xấu</i> | |

5. Đặt câu để phân biệt các từ trong một cặp từ trái nghĩa em vừa tìm được ở bài tập trên :

.....

.....

.....

.....

TẢ CẢNH

(Chuẩn bị cho bài kiểm tra viết)

Lập dàn ý chi tiết một trong các đề bài gợi ý sau :

1. Tả cảnh một buổi sáng (hoặc trưa, chiều) trong một vườn cây (hay trong công viên, trên đường phố, trên cánh đồng, nương rẫy).
2. Tả một cơn mưa.
3. Tả ngôi nhà của em (hoặc căn hộ, phòng ở của gia đình em).

